



fáng jià

房价

Noun · house price

Example Sentences

zù jìn fáng jià diē jià le
最近房价跌价了。

Housing prices have dropped recently

zù jìn fáng jià měng zhǎng le hěn duō
最近房价猛涨了很多。

Housing prices have risen sharply recently.

zù jìn fáng jià biāo shēng dé hěn kuài
最近房价飙升得很快。

Housing prices have been soaring recently.

Trace each character, then write the word on your own.

房	房	房	房	房	房	房	房	房	房	房
价	价	价	价	价	价	价	价	价	价	价